b) Thời gian tổng hợp, báo cáo phải được nghiêm chỉnh chấp hành để phát huy hiệu quả phục vụ kịp thời việc xây dựng kế hoạch năm 1974 — 1975 :

— Các cơ sở phải làm báo cáo tổng kiểm kê và phân tích, đánh giá năng lực sản xuất và gửi trước ngày 15 tháng 10 năm 1973, cho Ban chỉ đạo điều tra và thanh lý tài sản của Chính phủ, Tổng cục Thống kê và Bộ chủ quản (nếu là đơn vị cơ sở trung ương) hoặc cho Ban chỉ đạo tổng kiểm kê tỉnh, thành phố và ty chủ quản (nếu là đơn vị cơ sở của địa phương).

— Ban chỉ đạo tổng kiểm kê thuộc các ngành và các địa phương tổng hợp số liệu, tình hình và báo cáo phân tích, đánh giá năng lực sản xuất gửi cho Ban chỉ đạo điều tra và thanh lý tài sản của Chính phủ và Tổng cục Thống kê trước ngày 15 tháng 11 để kịp trình Chính phủ vào tháng 12 năm 1973.

— Ngoài ra Ban chỉ đạo điều tra và thanh lý tài sản của Chính phủ cần quy định chế độ báo cáo nắm tình hình thực hiện tổng kiểm kê, để theo dõi sát và chỉ đạo chặt chẽ.

c) Báo cáo tổng kiểm kê, ngoài phần đánh giá và phân tích, phần số liệu phải bao gồm những nội dung như sau :

— tổng hợp toàn bộ tài sản bằng giá trị,

— số lượng, chất lượng một số thiết bị máy móc, vật tư và hàng tiêu dùng chủ yếu theo danh mục do Tổng cục Thống kê quy định,

— danh mục, giá trị và thực trạng những công trình thiết bị toàn bộ chưa xây lắp.

(Ban hành kèm theo chỉ thị số 178-TTg ngày 13-8-1973 của Thủ tướng Chính phủ)

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 1693.QĐ/PC ngày 17-8-1973 về việc đình chỉ áp dụng một số văn bản pháp quy không còn thích hợp với thời bình.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Để phục vụ yêu cầu tăng cường quản lý các mặt công tác của ngành ;

Xét một số văn bản pháp quy của Bộ ban hành trước đây để áp dụng trong thời chiến nay không còn thích hợp trong tình hình mới ;

Theo đề nghị của ông chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay đình chỉ áp dụng những văn bản pháp quy đã ban hành trong thời chiến kể dưới đây :

— Thông tư số 12-PC ngày 21-6-1965 của Bộ quy định những biện pháp phòng không và bảo đảm an toàn giao thông đường bộ

— Thông tư số 18-PC ngày 24-12-1965 của Bộ quy định những biện pháp phòng không và bảo đảm an toàn giao thông đường sông

— Thông tư số 5-PC ngày 3-9-1966 của Bộ quy định những biện pháp phòng không và bảo đảm an toàn giao thông đường biển ;

— Thông tư số 4-PC ngày 14-2-1968 của Bộ về tổ chức các trạm điều chỉnh giao thông đường bộ ;

— Thông tư số 14-PC ngày 14-8-1965 của Bộ quy định việc bảo dưỡng và sửa chữa ô-tô trong vùng có chiến sự ;

— Thông tư số 2-PC ngày 19-5-1967 của Bộ hướng dẫn vận dụng trong thời chiến điều 15 của bản Điều lệ về quản lý các phương tiện vận tải đường sông và thuyền buồm đi biển... ban hành kèm theo nghị định số 47-NĐ ngày 12-6-1958 của Bộ Giao thông và bưu điện ;

— Thông tư số 3-PC ngày 22-5-1967 của Bộ hướng dẫn cách vận dụng nguyên tắc trả trước tiền cước vận tải trong tình hình cả nước có chiến tranh ;

— Thông tư số 1586-PC ngày 4-6-1968 của Bộ quy định việc đơn giản đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải đường sông.

Điều 2. — Ông chánh Văn phòng Bộ, các ông thủ trưởng Tổng Cục, các Cục, Vụ, Viện,

Ban, Ty trực thuộc Bộ, các ông giám đốc, trưởng Ty, các Sở, Ty giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi hành.

Hà-nội, ngày 17 tháng 8 năm 1973

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

PHAN TRỌNG TUỆ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 05-NV ngày 12-7-1973 về việc giúp đỡ nhân dân bị thiên tai và bị những tai nạn khác.

Ở miền Bắc nước ta hàng năm thường xảy ra thiên tai (bão, lụt, lũ, mưa đá...) hoặc những tai nạn khác như cháy nhà... (đặc biệt mấy năm gần đây có những tai nạn chiến tranh) gây khó khăn cho đời sống nhân dân ở nơi này, hay nơi khác, cho nên Nhà nước thường phải tổ chức cứu tế đột xuất, ngoài việc cứu tế thường xuyên.

Để đáp ứng với yêu cầu của tình hình trên, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản (thông tư số 157-CP ngày 25-8-1966 về chính sách đối với nhân dân bị tai nạn chiến tranh, nghị quyết số 169-CP ngày 7-9-1971 của Ban Bí thư trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ về một số chính sách đối với nhân dân vùng bị lụt — thông tư số 8-NV ngày 29-4-1967, thông tư số 12-NV ngày 20-9-1971 và thông tư số 76-ATXH ngày 3-1-1973 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành) quy định chính sách, chế độ nhằm giúp đỡ nhân dân bị tai nạn giảm bớt khó khăn.

Nhưng những chính sách trên mới chỉ nhằm giải quyết những khó khăn trong từng vụ tai nạn đột xuất nên chưa toàn diện và có điểm chưa cụ thể ; do đó khi có việc xảy ra, các địa phương giải quyết còn lúng túng và thực hiện thiếu thống nhất.

Vì vậy, dựa trên các chính sách đã có và kinh nghiệm thực hiện trong những năm gần đây, Bộ Nội vụ hệ thống lại và hướng dẫn thêm một số điểm về việc giúp đỡ những gia đình bị thiên tai và các tai nạn khác như sau.

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Trước hết, khi xảy ra tai nạn, các cơ quan có trách nhiệm phải giáo dục, động viên, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh để mỗi người, mỗi gia đình tự lo — đồng thời dựa vào khả năng hợp tác xã và truyền thống đoàn kết tương trợ vốn có trong nhân dân, tổ chức giúp đỡ nhau về mọi mặt, khắc phục hậu quả, ổn định đời sống cho các gia đình bị nạn ; đối với những nơi bị thiệt hại nghiêm trọng, nhân dân có nhiều khó khăn mà khả năng của địa phương chưa giải quyết được thì đề nghị Nhà nước giúp đỡ.

Nơi nào, gia đình nào thực sự gặp phải tai nạn, có nhiều khó khăn, không tự giải quyết được thì mới xét giúp đỡ (gia đình khó khăn nhiều thì giúp đỡ nhiều hơn, gia đình khó khăn ít thì giúp đỡ ít hơn) và chỉ giúp những thứ thật cần thiết cho đời sống, không tràn lan, đồng loạt. Chú ý những gia đình có công.

Việc giải quyết đời sống cho nhân dân bị tai nạn phải khẩn trương, tận tình, chu đáo đúng chế độ, tiêu chuẩn đã được quy định và bảo đảm được công bằng, hợp lý và đoàn kết trong nhân dân.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Sau khi xảy ra tai nạn, địa phương đã cố gắng tổ chức tốt việc nhân dân giúp đỡ lẫn nhau nhưng đời sống các gia đình bị tai nạn vẫn còn khó khăn về lương ăn, nhà ở, những thứ sinh hoạt cần thiết... thì được Nhà nước trợ cấp như sau :

1. Đối với gia đình mất hết lương thực.

Những gia đình mất hết lương thực vì tai nạn hiện không có lương ăn, thì được Nhà nước trợ cấp lương ăn một tháng đầu. Ở thành thị cấp theo tiêu chuẩn thành thị, ở nông thôn cấp từ 7 đến 10 kilôgam lương thực quy gạo cho một người.